

Số: 1017 /QĐ-SGTVT

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước đợt 1 năm 2018**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTc ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giao thông vận tải được quy định tại Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của UBND tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh; Quyết định số 989/QĐ-SGTVT ngày 16/4/2018; Quyết định số 990/QĐ-SGTVT ngày 16/4/2018; Quyết định số 991/QĐ-SGTVT ngày 16/4/2018; Quyết định số 992/QĐ-SGTVT ngày 16/4/2018 của Sở Giao thông vận tải về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch- Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 của các đơn vị dự toán trực thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh

(chi tiết theo bảng đính kèm).

Điều 2: Thời gian công khai niêm yết 90 ngày kể từ ngày ký

Điều 3: Chánh Văn phòng Sở, Phòng KHTC và các đơn vị thụ hưởng ngân sách tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KH.



Lương Phan Kỳ

# CONG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2018

Các đơn vị trực thuộc Sở GTVT Hà Tĩnh

( kèm theo Quyết định số 1017/QĐ-SGTVT-KHTC ngày 17/4/2018)

Đơn vị tính : Ngàn đồng

NỘI DUNG	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG				
	Tổng công	Ban Quản lý vốn sự nghiệp ngành GT(Sở GTVT)- MNS: 1104147	Văn phòng Sở GT-MNS: 1049675	Trung tâm tư vấn kỹ thuật giao thông - MNS:1049462	Thanh tra Sở Giao thông vận tải - MNS: 1049681
<b><u>I. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ . LỆ PHÍ</u></b>					
<b><u>1.Thu phí(Chương:421-Loai 292)</u></b>	<b><u>7.729.000</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>7.729.000</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>
-Thu phí sát hạch xe máy	935.000		935.000		
- Phí thi sát hạch lái xe ô tô	2.420.000		2.420.000		
- Lệ phí cấp mới, đổi GPLX	3.207.000		3.207.000		
- Phí thẩm định	1.167.000		1.167.000		
<b><u>2. Số chi phí được để lại</u></b>	<b><u>1.814.800</u></b>		<b><u>1.814.800</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>
-Thu phí sát hạch xe máy	280.500		280.500		
- Phí thi sát hạch lái xe ô tô	484.000		484.000		
- Lệ phí cấp mới, đổi GPLX	0		0		
- Phí thẩm định	1.050.300		1.050.300		
<b><u>3. Số phí nộp ngân sách và các khoản giảm trừ</u></b>	<b><u>5.914.200</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>5.914.200</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>
<b>* Nộp ngân sách Nhà nước</b>	<b>3.884.700</b>		<b>3.884.700</b>	<b>0</b>	
-Thu phí sát hạch xe máy	561.000		561.000		
- Phí thi sát hạch lái xe ô tô	0		0		
- Lệ phí cấp mới, đổi GPLX	3.207.000		3.207.000		
- Phí thẩm định	116.700		116.700		
<b>* Giảm trừ trích trả cơ sở đào tạo</b>	<b>2.029.500</b>		<b>2.029.500</b>		
- Trung tâm sát hạch lái xe theo chế độ( Sát hạch ô tô)	1.936.000	Page 1	1.936.000		





**CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG**

NỘI DUNG	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG				
	Tổng công	Ban Quản lý vốn sự nghiệp ngành GT(Sở GTVT)- MNS: 1104147	Văn phòng Sở GT-MNS: 1049675	Trung tâm tư vấn kỹ thuật giao thông - MNS:1049462	Thanh tra Sở Giao thông vận tải - MNS: 1049681
- Các cơ sở đào tạo lái xe mô tô	93.500		93.500		
<b>4. Chi phí liên quan đến công tác thu phí</b>	<b><u>1.644.800</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>1.644.800</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>
- Chi các khoản thanh toán cá nhân	765.000		765.000		
- Chi dịch vụ công cộng	726.000		726.000		
- Chi mua sắm sửa chữa tài sản	70.000		70.000		
- Chi khác	83.800		83.800		
<b>5. Chênh lệch còn lại bổ sung kinh điều hoạt đồng( = 2-44)</b>	<b><u>170.000</u></b>		<b><u>170.000</u></b>		
Trong đó: Cải cách tiền lương	17.000		17.000		
<b>6. Kinh phí đề nghị NS tỉnh cấp bổ sung đến công tác cấp, đổi GPLX đã nộp NS100%( dự kiến cấp lại 65% tổng số thu)</b>			<b>1.924.200</b>		
<b>II. DƯ TOÁN NSNN (SN)(1+2)</b>	<b><u>13.236.000</u></b>				
<b>I. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC : 340-341</b>	<b><u>8.986.000</u></b>				
<b>TRỪ TIẾT KIÊM</b>	<b><u>130.000</u></b>				
<b>DƯ TOÁN CÒN LẠI</b>	<b><u>8.856.000</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>4.624.000</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>4.232.000</u></b>
Trong đó : Kinh phí thực hiện tự chủ	7.424.000		4.624.000		2.800.000
- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.432.000				1.432.000
<b>2. KINH PHÍ SỰ NGHIỆP</b>	<b><u>4.250.000</u></b>				
<b>TRỪ TIẾT KIÊM</b>	<b><u>400.000</u></b>				
<b>DƯ TOÁN CÒN LẠI</b>	<b><u>3.850.000</u></b>	<b><u>2.265.000</u></b>	<b><u>940.000</u></b>	<b><u>150.000</u></b>	<b><u>565.000</u></b>
* .Sự nghiệp giao thông đường bộ	3.830.000	2.175.000	940.000	150.000	565.000
CHƯƠNG :421 - LOẠI 280-K: 292	3.830.000	Page 2 2.175.000	940.000	150.000	565.000



NỘI DUNG	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG				
	Tổng công	Ban Quản lý vốn sự nghiệp ngành GT(Sở GTVT)- MNS: 1104147	Văn phòng Sở GT-MNS: 1049675	Trung tâm tư vấn kỹ thuật giao thông - MNS:1049462	Thanh tra Sở Giao thông vận tải - MNS: 1049681
<i>2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	0				
<i>2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	3.830.000	2.175.000	940.000	150.000	565.000
Trong đó : Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương					
<b>*. Sự nghiệp GT đường sông</b>	<b>90.000</b>	<b>90.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
CHƯƠNG : 421-L: 280-K: 294	90.000	90.000	0	0	0
<i>3.1 Kinh phí thực hiện tự chủ</i>					
Trong đó : Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương					
<i>3.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	90.000	90.000			
Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương					

